

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản hòa giải; Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 21 tháng 10 năm 2022;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 418/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 33, phường H, quận C, TP Đà Nẵng;

+ Ông Lê Anh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 33, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông Lê Anh T, bà Nguyễn Thị P kết hôn với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống tại tổ 33, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Quá trình chung sống đến đầu năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hòa hợp, thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không thành. Nay, vợ chồng ông T, bà P cảm thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên ông, bà đã thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được thuận tình ly hôn. Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông T, bà P vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy ông T, bà P đã thực sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề

khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà.

[2] Về con chung: Ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị P xác định vợ chồng ông, bà có 04 con chung gồm: Lê Anh T, sinh ngày 26/02/2004, Lê Anh T, sinh ngày 26/02/2008, Lê Anh N, sinh ngày 22/8/2012 và Lê Nguyễn Như Ng, sinh ngày 07/11/2020. Ly hôn ông T, bà P thống nhất thỏa thuận: Giao con chung Lê Anh N và Lê Nguyễn Như N cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi các con đủ 18 tuổi; Giao con chung Lê Anh T cho ông Lê Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi. Riêng con Lê Anh T đã đủ 18 tuổi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Lê Anh T cấp dưỡng nuôi con chung Lê Anh N, Lê Nguyễn Như N mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 01 con chung (02 con chung là 2.000.000 đồng/tháng) cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12/2022 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Ông T, bà P xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: ông T, bà P xác định không có

[5] Về lệ phí tòa án: Lệ phí việc hôn nhân gia đình do người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình chịu theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản thỏa thuận về ly hôn nuôi con chung khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ông Lê Anh Toàn, bà Nguyễn Thị Phương, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị P thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận của ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị P về việc nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng như sau: Giao con chung Lê Anh N, sinh ngày 22/8/2012 và Lê Nguyễn Như N, sinh ngày 07/11/2020 cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi các con đủ 18 tuổi; Giao con chung Lê Anh T, sinh ngày 26/02/2008 cho ông Lê Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi. Riêng con Lê Anh T, sinh ngày 26/02/2004 đã đủ 18 tuổi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Ông Lê Anh T cấp dưỡng nuôi con chung Lê Anh N và Lê Nguyễn Như N mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 01 con chung (02 con chung là 2.000.000

đồng/tháng) cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12 năm 2022 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Anh T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì hàng tháng ông Toàn còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung: Ông T, bà P xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T, bà P xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị P tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0002175 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Như vậy ông T, bà P đã nộp đủ lệ phí

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang
(GCNKH Số 28 ngày 12/5/2003)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cường